TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88A/2021/DS-PT
Ngày: 10/8/2021
V/v:"Đòi tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán- chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hải Vinh
Các thẩm phán: Bà Phạm Thị Minh Hiền
Ông Đặng Văn Quyết

Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Mai Lan - Cán bộ Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 10/8/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2021/TLPT-DS ngày 24/02/2021 về việc: "Đòi tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 37/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Toà án nhân dân huyện L bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 49/2021/QĐ-PT ngày 12/4/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2021/QĐ-PT ngày 26/4/2021; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 49/TB-TA ngày 24/5/2021; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 78/TB-TA ngày 22/6/2021; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 88/TB-TA ngày 26/7/2021; giữa:

Nguyên đơn: Anh Lý Thế Q, sinh năm 1987.

Trú quán: Tổ Dân phố khu T, TT Ch, L, Bắc Giang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn M, P, L, Bắc Giang (vắng mặt).

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị Nh, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Thôn M, P, L, Bắc Giang (có mặt).

2. Chị Lý Minh H, sinh năm 1985.

Trú quán: Tổ Dân phố khu T, TT Ch, L, Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo trong quá trình tham gia tố tụng tại Toà án nguyên đơn anh Lý Thế Q trình bày:

Ngày 11/3/2019 anh và anh Hoàng Văn H đã tự nguyện thoả thuận anh H chuyển nhượng quyền sử dụng đất số CH000342/Quyết định cấp số 902/QĐ-UBND ngày 08/5/2015 do UBND huyện L cấp cho anh Hoàng Văn H, theo hồ sơ số 4169 ngày 22/11/2017 và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 246, tờ bản đồ số 10, diện tích 2.195,3m ^{2} đất, địa chỉ thửa đất: Thôn M, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang do bà Trần Thị Nh tặng cho anh Hoàng Văn H. Tài sản gắn liền với đất có 01 nhà cấp 4, lợp ngói, diện tích 40m^2 và toàn bộ cây trồng trên đất. Anh đã trả đủ tiền cho anh Hoàng Văn H là 600.000.000đ *(Sáu trăm triệu đồng).*

Ngày 11/3/2019 Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L đã đã chuyển quyền sử dụng đất và tài sản trên đất sang tên anh Lý Thế Q. Khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất thì có cả bà Trần Thị Nh mẹ anh H có mặt trước lời chứng, chứng thực tại UBND xã P, L. Sau khi được các cơ quan chuyên môn hoàn tất các thủ tục sang tên anh Lý Thế Q, anh H đã bàn giao toàn bộ tài sản như đã nêu trên cho anh, tuy nhiên do mẹ con anh H chưa có nhà ở anh đã thoả thuận với anh H bằng miệng cho mẹ con anh H ở lại với thời hạn là 03 tháng. Hết thời hạn 03 tháng anh yêu cầu anh H và bà Nh giao trả lại toàn bộ những tài sản trên cho anh, nhưng anh H đã trốn tránh không biết đi đâu.

Anh đã có đơn đề nghị UBND xã P giải quyết yêu cầu anh H bà Nh trả lại tài sản nhưng anh H cũng không có nhà.

Theo kết quả đo đạc diện tích đất thực tế là 1846,0m^2 ít hơn diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (2195,3m^2) anh không có ý kiến gì.

Nay anh khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân huyện L giải quyết: Buộc anh Hoàng Văn H và bà Trần Thị Nh phải trả lại toàn bộ những tài sản trên và theo như kết quả thẩm định và định giá tài sản cho anh sở hữu, sử dụng.

Tại biên bản lấy lời khai và những lời khai tiếp theo trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn anh Hoàng Văn H trình bày:

Anh Lý Thế Q kiện đòi anh và bà Nh mẹ anh phải trả nhà đất và các tài sản trên đất tại thôn M, xã P, huyện L anh không đồng ý. Lý do: Bản chất giao dịch giữa anh và anh Q không phải giao dịch mua bán nhà đất mà anh ký hợp đồng chuyển nhượng nhà đất cho anh Q làm tin, để anh Q cho anh vay tiền kinh doanh.

Ngày 03/01/2018, anh và anh Q lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại UBND xã P. Nội dung hợp đồng là anh chuyển nhượng cho anh Q quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 246, tờ bản đồ số 10, diện tích 2195,3m^2, địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện L là có thật, nhưng từ ngày 03/01/2018 đến nay anh không nhận tiền từ anh Q, dù là tiền bán nhà đất hay là tiền vay.

Anh đã được Tòa án thông báo kết quả đo đạc thẩm định đất nhà ngày 16/7/2020. Diện tích đất gia đình anh đang sử dụng là 1846,0m^2 ít hơn diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (2195,3m^2) anh không có ý kiến gì. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình anh là do cán bộ xã làm. Thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2015 thì diện tích đất của

gia đình anh đã có vành lao, bờ rào bao kín đất như hiện nay. Ranh giới đất của gia đình anh từ năm 1983 đến nay không thay đổi và không có tranh chấp với các hộ liền kề, nhà đất này chỉ còn anh và mẹ anh (bà Nh) quản lý, sử dụng.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai và những lời khai tiếp theo trong quá trình tham gia tố tụng tại Toà án những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Nh trình bày:

Bà là mẹ của Hoàng Văn H, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh Lý Thế Q vì anh Q mua đất của gia đình bà không được biết.

Gia đình bà ở tại thửa đất này từ năm 1983. Chồng bà ông Hoàng Văn Quang đã chết năm 2000. Đến năm 2015 bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 246, tờ bản đồ số 10, diện tích 2195,3m^2 tại thôn M, xã P, huyện L, cấp cho một mình bà đứng tên Trần Thị Nh. Bà có 4 người con, 3 người con đã ở riêng. Từ tháng 8/2016 bà và anh H ở đến nay. Ngày 06/12/2017 bà đã làm thủ tục tặng cho anh Hoàng Văn H với mục đích để anh H vay tiền Ngân hàng. Nhưng anh H không vay tiền Ngân hàng mả nghe nói là vay tiền của chị H chị gái anh Q. Anh H vay tiền chị H nhưng phải ký hợp đồng chuyển nhượng đất cho anh Q vì không ký hợp đồng chuyển nhượng với anh Q thì chị H không cho vay tiền. Anh H vay chị H 100.000.000 đồng, lãi suất là 2.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày. Đến nay anh H trả chị H được 100.000.000 đồng tiền lãi, còn nợ 100.000.000 đồng tiền gốc, còn tiền lãi là bao nhiêu thì bà không biết. Bà không có tài liệu gì chứng minh việc anh H vay tiền chị H với mức lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày. Bà cũng không có tài liệu gì chứng minh anh H ký hợp đồng chuyển nhượng đất cho anh Q là để vay tiền. Bà sẽ yêu cầu anh H nộp những tài liệu chứng cứ để suất trình cho Tòa án trong ngày 21/8/2020. Bà đã được Tòa án thông báo kết quả đo đạc thẩm định đất nhà ngày 16/7/2020. Diện tích đất gia đình bà đang sử dụng là 1846,0m^2 ít hơn diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (2195,3m^2) bà không có ý kiến gì. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà là do cán bộ xã làm. Thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2015 thì gia đình bà đã có vành lao, bờ rào bao kín đất như hiện nay. Ranh giới đất của gia đình bà từ năm 1983 đến nay không thay đổi và không có tranh chấp với các hộ liền kề.

Tại bản tự khai, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lý Minh H trình bày: Chị là chị gái của anh Lý Thế Q, còn anh Hoàng Văn H chị không biết, nhưng có biết thời gian trước đây anh H và anh Q chơi với nhau. Đối với việc bà Nh mẹ anh H cho rằng anh H vay tiền của chị, việc này là không có. Còn đối với việc anh Q và anh H cho nhau vay mượn tiền giao dịch với nhau chị không biết, không liên quan đến chị, chị khẳng định là đúng sự thật, nếu sai chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tại biên bản xem xét thẩm định ngày 16/7/2020 xác định đất và tài sản trên đất như sau:

- Đất đã có ranh giới rõ ràng với các thửa đất liền kề, có bờ tường vành lao bao quanh kín đất. Các đương sự đã chứng kiến cán bộ đo đặc đúng ranh giới hiện trạng thửa đất.

+ 01 nhà ở cấp 4, lợp mái ngói, xây dựng năm 2001(có gác xép);

+ 01 nhà bếp lợp mái Proxi măng (xây năm 2001);

+ 01 nhà vệ sinh đổ trần xây khoảng năm 2016;

+ Bờ tường vành lao bao quanh đất, bà Nh anh H xác định đều là của hàng xóm.

- Trên đất có các cây bởi: 71 cây đường kính gốc 12 - 14cm; 34 cây đường kính gốc 3 - 4cm; cây đu đủ 01 cây cao 3,5m; cây ổi 02 cây đường kính 17 - 20cm; 05 cây đường kính gốc 17 - 20cm; 18 cây đường kính tán 2,0 - 2,5m; 43 cây cam đường kính tán 2,0 - 2,5m; 37 cây vải thiều đường kính tán 4,5 - 5,0m; 45 cây vải thiều đường kính tán 1,0 - 1,5m.

Tại biên bản định giá tài sản lập ngày 16/7/2020 xác định như sau:

+ Đất ở 200m^2 x 710.000đ/m^2 = 142.000.000đ;

+ Đất vườn 1.646m^2 x 305.000đ/m^2 = 502.030.000đ;

+ 01 nhà ở cấp 4, lợp mái ngói (xây năm 2001) diện tích 53,92m^2, gác xép 13,4m^2, giá trị còn lại 67,32m^2 x 2. 900.000đ x 6,67% = 13.021.000đ.

+ 01 nhà bếp lợp mái Proxi măng (năm 2001), sửa lại năm 2018, diện tích 10,14m^2 loại C giá trị còn lại 800.000đ.

+ 01 nhà vệ sinh đổ trần xây khoảng năm 2016, diện tích 8,8m^2 (loại A) x 1.270.000đ/m^2 x 55% = 6.147.000đ.

+ 01 bán mái Proxi măng làm 2018, diện tích 76,7m^2 x 297.000đ/m^2 x 75% = 17.084.000đ.

- 01 bán mái tôn làm 2018 diện tích 18,62m^2 và 01 bán mái cũng làm 2018 có diện tích 12,48m^2. Tổng 31,1m^2 x 335.000đ x 75% = 7.813.000đ.

Chuồng chăn nuôi làm năm 2000 đã hết thời hạn sử dụng.

- Trên đất có:

+71 cây bưởi (đường kính gốc 12 - 14cm) x 2.630.000đ/cây = 186.730.000đ;

+ 34 cây bưởi (đường kính gốc 3 - 4cm) x 695.000đ/cây = 23.630.000đ;

- 01 cây đu đủ (cao 3,5m) x 97.000đ/ cây = 97.000đ;

- 02 cây ổi (đường kính 17-20cm) x 345.000đ/ cây = 690.000đ;

+ 05 cây nhãn (đường kính gốc 17 - 20cm) x 80.000đ/cây = 400.000đ ;

+18 cây cây nhãn (đường kính tán 2,0-2,5m) x 455.000đ/cây = 8.190.000đ;

- 43 cây cam (đường kính tán 2,0 -2,5m) x 1.440.000 đ/cây = 61.920.000đ;

- Cây vải:

+ 37 cây vải(đường kính tán 4,5 - 5,0m) x 4.250.000đ/cây = 157.250.000đ;

+ 45 cây vải(đường kính tán 1,0 - 1,5m) x 515.000đ/cây = 23.175.000đ.

Tổng cộng giá trị tài sản là: 1.150.977.000đ (Một tỷ, một trăm năm mươi triệu, chín trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

Với nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 37/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Toà án nhân dân huyện L đã căn cứ: Điều 166, Điều 167, Điều 168, Điều 168, Điều 188 Luật đất đai năm 2013; Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 265, Điều 500, Điều 501, Điều 502 và Điều 503 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2, 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 149, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 6, Điều 26, khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016, Nghị quyết

của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí toà án; Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lý Thế Q: Buộc anh Hoàng Văn H và bà Trần Thị Nh phải có nghĩa vụ trả lại tài sản cho anh Lý Thế Q sở hữu, sử dụng: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo GCNQSD đất số sê ri BX801960 số vào sổ cấp GCNQSD đất CH 000342, Quyết định cấp số 902/QĐ - UBND, do UBND huyện L cấp ngày 08/5/2015. Tại thửa đất số 246; tờ bản đồ số 10, diện tích là 2195,3m^2 (trong đó đất ở là 200m^2 + đất trong cây lâu năm 1995,3m^2) thời hạn sử dụng đất; Đất ở lâu dài, đất trồng cây lâu năm đến tháng 7/2064; địa chỉ thửa đất thôn M, P, L, Bắc Giang. Tài sản gắn liền với đất có 01 nhà cấp 4, lợp ngói, diện tích 40m^2 và toàn bộ các cây trồng trên đất.

2. Buộc anh Hoàng Văn H và bà Trần Thị Nh phải có nghĩa vụ trả lại tài sản cho anh Lý Thế Q sở hữu, sử dụng: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo GCNQSD đất số sê ri BX801960 số vào sổ cấp GCNQSD đất CH 000342, Quyết định cấp số 902/QĐ - UBND, do UBND huyện L cấp ngày 08/5/2015. Tại thửa đất số 246; tờ bản đồ số 10, diện tích là 2195,3m^2 (trong đó đất ở là 200m^2 + đất trong cây lâu năm 1995,3m^2) thời hạn sử dụng đất; Đất ở lâu dài, đất trồng cây lâu năm đến tháng 7/2064; địa chỉ thửa đất thôn M, P, L, Bắc Giang. Tài sản gắn liền với đất có 01 nhà cấp 4, lợp ngói, diện tích 40m^2 và toàn bộ các cây trồng trên đất.

Tổng cộng trị giá tài sản là: 1.150.977.000đ (Một tỷ, một trăm năm mươi triệu, chín trăm bẩy mươi bẩy nghìn đồng).

3.Án phí: Anh Hoàng Văn H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả anh Lý Thế Q số tiền 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng), nộp theo biên lai thu dự phí số:AA/2019/0001236 ngày 24/4/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

4. Lệ phí tố tụng: Anh Lý Thế Q xin chịu số tiền 6.140.000đ (Sáu triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản và tiền kết quả trích đo. Xác nhận anh Lý Thế Q đã nộp đủ không phải nộp nữa.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/10/2020, bà Trần Thị Nh là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 37/DSST ngày 28/9/2020 của TAND huyện L. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy hợp đồng chuyển nhượng, trả lại nhà đất cho gia đình bà Nh.

Ngày 29/10/2020 bị đơn anh Hoàng Văn H nộp đơn kháng cáo, lý do; Án sơ thẩm xét xử không đúng sự thật, anh không nhận được số tiền 600.000 đồng. Không có thỏa thuận miệng ở nhờ 03 tháng, không nhất trí với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất.

Ngày 28/10/2020 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang có Quyết định kháng nghị số: 20/QĐKNPT-VKS-DS, kháng nghị bản án số 37/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang. Kháng nghị toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết vụ án theo

thủ tục phúc thẩm, xử hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn anh Lý Thế Q rút đơn khởi kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Nh không rút đơn kháng cáo. Bà Trần Thị Nh trình bày: Bà Nh không đồng ý với bản án dân sự sơ thẩm, anh Lý Thế Q rút đơn khởi kiện là việc của anh Q, bà không rút đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

Anh Lý Thế Q là nguyên đơn trong vụ án đã tự nguyện rút toàn bộ đơn khởi kiện, đối tượng khởi kiện không còn. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang rút toàn bộ quyết định kháng nghị số 20/QĐKNPT-VKS-DS ngày 28/10/2020 đối với bản án dân sự sơ thẩm số 37/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án dân sự sơ thẩm, đình chỉ xét xử phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Trần Thị Nh nộp trong thời hạn luật định được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Anh Hoàng Văn H có nộp đơn kháng cáo ngày 29/10/2020 đến TAND huyện L. Tuy nhiên anh H không nộp tạm ứng án phí DSPT theo quy định nên thủ tục kháng cáo của anh H không đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm. Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh H vắng mặt không lý do. Qua đó cho thấy đã từ bỏ quyền lợi của mình được Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Hoàng Văn H theo quy định.

Chị Lý Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung, yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Nh:

Bà Trần Thị Nh đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất giữa anh Hoàng Văn H và anh Lý Thế Q, trả lại nhà đất cho bà Nh. Bà Nh kháng cáo nhưng nguyên đơn cũng đã rút đơn khởi kiện. Do vậy, đối tượng khởi kiện không còn. Quyền lợi của bà Nh và bị đơn đã được đảm bảo. Do vậy không có căn cứ xem xét kháng cáo. Cần hủy bản án dân sự sơ thẩm, đình chỉ xét xử phúc thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 299 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 6 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 37/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện L và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 16/2021/DS-PT ngày 24/02/2021 về việc kiện đòi tài sản của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Nh phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2019/0001651 ngày 29/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Nh số tiền 150.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm năm mươi triệu đồng).

Anh Hoàng Văn H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả anh Lý Thế Q 14.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười bốn triệu đồng) theo biên lai thu dự phí số AA/2019/0001236 ngày 24/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Toà án nhân dân huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- VKSND huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Hải Vinh